TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 375/2025/DS-ST
Ngày: 14-5-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Ẩn

2. Bà Trần Thị Đúng

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Đặng Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2025 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2025, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 225/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 235/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2025 giữa:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng thương mại cổ phần V (tên viết tắt: V Bank)

Địa chỉ: 89 L, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, sinh năm: 1968 – Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Ông D ủy quyền cho:

- Ông Đỗ Hoàng L

- Ông Phạm Tuấn A

- Ông Đỗ Thành T

(Văn bản ủy quyền số 38a/2024/UQN-CTQT ngày 01/6/2024)

Ông Đỗ Thành T ủy quyền lại cho: Ông Đoàn Anh T1, sinh năm: 1994

Địa chỉ: Lầu 1, 96 C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền số 13662/2024/UQ-VPB ngày 30/10/2024, Ông T1 có mặt tại phiên tòa)

2. *Bị đơn*: Bà Phạm Thị Quỳnh N, sinh năm: 1996

Địa chỉ: B3/13F1 ấp 3, xã Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Nvắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V có người đại diện theo ủy quyền là ông Đoàn Anh T1 trình bày:

Bà Phạm Thị Quỳnh N có vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần V – Chi nhánh Đ, theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng điện tử số 137-P-7734900 ngày 16/3/2023, Hạn mức: 396.000.000 đồng; Lãi suất: 2.79%/tháng (tương đương 33.48%/năm); Mục đích vay: phục vụ nhu cầu đời sống.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay vốn, bà Phạm Thị Quỳnh N đã thanh toán được 03 kỳ:

- Kỳ 1: Thanh toán được số tiền là 397.750.000 đồng bao gồm cả gốc và lãi;
- Kỳ 2: Thanh toán được số tiền là 397.550.000 đồng bao gồm cả gốc và lãi;
- Kỳ 3: Thanh toán được số tiền là 405.800.000 đồng bao gồm cả gốc và lãi.

Bắt đầu từ ngày 15/7/2023 thì bà N vi phạm không thanh toán bất kỳ khoản gốc, lãi nào. Cũng từ ngày 15/7/2023, bà Nngưng không sử dụng thẻ. Ngân hàng đã khóa thẻ tín dụng của bà N.

Xét thấy bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với V Bank nên khoản vay bị chuyển nợ quá hạn và phải chịu lãi suất quá hạn kể từ ngày 05/8/2023.

Tạm tính đến ngày 14/5/2025, bà Phạm Thị Quỳnh N còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền là:

Nợ gốc: 395.975.904 đồng

Nợ lãi: 359.934.679 đồng

Tổng cộng: 755.910.583 đồng

Ngân hàng thương mại cổ phần V đã nhiều lần liên lạc yêu cầu bà Nthanh toán nợ nhưng bà Ntrốn tránh, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng thương mại cổ phần V khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết:

Buộc bà Phạm Thị Quỳnh N phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V toàn bộ số tiền nợ theo Hợp đồng mở thẻ tín dụng, tạm tính đến ngày 14/5/2025 là 755.910.583 (bảy trăm năm mươi lăm triệu chín trăm mười ngàn năm trăm tám mươi ba) đồng. Trong đó nợ gốc: 395.975.904 đồng; nợ lãi:

359.934.679 đồng.

Bà Phạm Thị Quỳnh N phải tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng mở thẻ tín dụng nêu trên, kể từ ngày 15/5/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ cho V Bank.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Phạm Thị Quỳnh N vắng mặt, không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên toà có ý kiến phát biểu như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1]. Ngân hàng thương mại cổ phần V khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bà Phạm Thị Quỳnh N. Đây là tranh chấp về hợp đồng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Theo kết quả trả lời xác minh của Công an xã Qui Đức, huyện Bình Chánh xác định *"Bà Phạm Thị Quỳnh N, sinh năm: 1996, có HKTT tại B3/15A ấp 3, xã Qui Đức, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh và thực tế cư trú tại B3/13F1 ấp 3, xã Q, Thành phố Hồ Chí Minh"*. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Bà Phạm Thị Quỳnh N đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch giữa các đương sự được xác lập vào thời điểm Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các văn bản pháp luật này để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[4.1] Tòa án triệu tập bà Phạm Thị Quỳnh N đến Tòa án để ghi nhận ý kiến, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng nhưng bà Nk hông đến Tòa để giải quyết vụ án. Vì vậy, bà N đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình và phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu, chứng do Tòa án thu thập để làm chứng cứ giải quyết vụ án.

[4.2]. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 45 ngày 27/11/2023; Điều lệ của Ngân hàng thương mại cổ phần V thì Ngân hàng thương mại cổ phần V là tổ chức tín dụng và được thực hiện cấp tín dụng dưới các hình thức "Phát hành thẻ tín dụng".

[4.3]. Xét Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng điện tử số 137-P-7734900 ngày 16/3/2023 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V và bà Phạm Thị Quỳnh N được lập trên cơ sở sự tự nguyện của hai bên, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật. Hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 119 và Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và có giá trị ràng buộc giữa các bên để thực hiện hợp đồng, là cơ sở pháp lý để mỗi bên xác định quyền và nghĩa vụ của mình.

[4.4]. Căn cứ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng điện tử số 137-P-7734900 ngày 16/3/2023 thể hiện Ngân hàng thương mại cổ phần V đã cấp hạn mức tín dụng cho bà Nvới số tiền là 396.000.000 đồng.

Căn cứ Bảng kê tính lãi do Ngân hàng thương mại cổ phần V cung cấp thể hiện: Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Phạm Thị Quỳnh N đã thanh toán cho Ngân hàng được 03 kỳ:

Kỳ 1: Thanh toán được số tiền là 397.750.000 đồng bao gồm cả gốc và lãi;

Kỳ 2: Thanh toán được số tiền là 397.550.000 đồng bao gồm cả gốc và lãi;

Kỳ 3: Thanh toán được số tiền là 405.800.000 đồng bao gồm cả gốc và lãi.

Bắt đầu từ ngày 15/7/2023 thì bà N vi phạm không thanh toán bất kỳ khoản gốc, lãi. Cũng từ ngày 15/7/2023 thì bà N ngưng không sử dụng thẻ tín dụng. Ngân hàng cũng đã khóa thẻ tín dụng của bà N.

Như vậy, tạm tính đến ngày 14/5/2025 bà Phạm Thị Quỳnh N còn phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền nợ gốc là 395.975.904 đồng.

[4.5]. Xét yêu cầu của nguyên đơn về lãi suất: Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: "1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.

2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Công ty tài chính của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật…".

Tại Mục 2 của Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng điện tử số 137-P-7734900 ngày 16/3/2023 thể hiện Ngân hàng thương mại cổ phần V đã cấp thẻ tín dụng loại thẻ "*V Bank Diamond World Lady Credit*" cho bà N. Lãi suất của thẻ thực hiện theo quy định của V Bank.

Căn cứ Quyết định số 800/2022/QĐ-GĐK ngày 20/10/2022 ban hành điều chỉnh lãi suất thẻ tín dụng của khối khách hàng cá nhân tại V Bank thể hiện mức lãi suất đối với loại thẻ "*Diamond World Lady*" là 2,79%/tháng.

[4.6]. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà không cần phải điều chỉnh.

[4.7]. Căn cứ Căn cứ Bảng kê tính lãi do Ngân hàng thương mại cổ phần V cung cấp thể hiện từ ngày 15/7/2023 bị đơn bà Phạm Thị Quỳnh N đã ngưng không thanh toán tiền gốc và lãi cho Ngân hàng và cũng đã ngưng việc sử dụng thẻ. Lãi suất quá hạn được tính kể từ ngày 05/8/2023. Tạm tính đến ngày 14/5/2025, số tiền lãi mà bà Nphải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V là 359.934.679 đồng.

[4.8]. Việc bị đơn ngưng trả tiền vốn và lãi hàng tháng cho nguyên đơn là đã vi phạm điều khoản thanh toán của của hợp đồng tín dụng. Ngân hàng thương mại cổ phần V khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Quỳnh N trả số tiền gốc và lãi là có cơ sở theo quy định tại các Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[4.9]. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán thì: Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4.10]. Từ những căn cứ đã viện dẫn, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V đối với bị đơn bà Phạm Thị Quỳnh N.

Buộc bà Phạm Thị Quỳnh N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền tạm tính đến ngày 14/5/2025 là 755.910.583 (bảy trăm năm mươi lăm triệu chín trăm mười nghìn năm trăm tám mươi ba) đồng, trong đó: Nợ gốc: 395.975.904 đồng; Nợ lãi: 359.934.679 đồng; đồng thời bị đơn bà Phạm Thị Quỳnh Ncòn có nghĩa vụ trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng điện tử số 137-P-7734900 ngày 16/3/2023 cho đến khi bị đơn trả nợ xong.

[4.11]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn bà Phạm Thị Quỳnh Nphải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 34.236.423 (ba mươi bốn triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm hai ba mươi) đồng.

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5]. Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 117, Điều 119, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 3, Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn bà Phạm Thị Quỳnh N.

1.1. Buộc bà Phạm Thị Quỳnh N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền tạm tính đến ngày 14/5/2025 là 755.910.583 (bảy trăm năm mươi lăm triệu chín trăm mười nghìn năm trăm tám mươi ba) đồng; trong đó: Nợ gốc: 395.975.904 đồng; Nợ lãi: 359.934.679 đồng.

1.2. Kể từ ngày 15/5/2025, bà Phạm Thị Quỳnh N còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng điện tử số 137-P-7734900 ngày 16/3/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc nêu trên. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần V thì lãi suất mà bà Phạm Thị Quỳnh N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần V.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Phạm Thị Quỳnh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 34.236.423 (ba mươi bốn triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm hai mươi ba) đồng.

2.2. Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.623.343 (mười bốn triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn ba trăm bốn mươi ba) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0051666 ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh (1);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ (1)

Ngô Thị Thùy Dương

2AAKKBΘ*δηδχαχ+